

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2020
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm
2. Ông Bùi Đức Quảng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/03/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Đức T, Sinh năm 1983

ĐKKHKT: Số nhà 090, phố Hạ Sơn, TT. Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị Đinh Thị T, Sinh năm 1976

ĐKKHKT: Xóm Đồng Lão, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

(Anh T có mặt, chị Thành vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018 anh Trần Đức T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với chị Đinh Thị T tại UBND xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị Thành có lời nói xúc phạm đến anh T và gia đình anh T. Vợ chồng đã ly thân với nhau được một thời gian dài không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh T làm đơn xin ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh Trần Đức T xác định vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Anh Trần Đức T khẳng định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ riêng: Anh Trần Đức T xác nhận hiện nay anh T còn nợ của chị T 10.000.000đồng. Khi anh T vay chị Thành số tiền trên không có giấy tờ, biên nhận gì. Hiện nay anh T còn khó khăn nên anh T hẹn sẽ thanh toán dần số nợ trên cho chị T.

Phía bị đơn, chị Đinh Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Khoảng từ cuối năm 2019 trở lại đây anh T có nhận được một số cuộc điện thoại chị T không biết của ai, sau đó anh T bỏ đi không về nhà ở nữa, anh T có 02 lần về nhà lấy quần áo đồ đạc. Vợ chồng ly thân với nhau từ đó đến nay anh T không quan tâm gì đến chị T nữa. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị T không nhất trí vì xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm mong muốn đoàn tụ để chăm sóc lẫn nhau.

Về con chung: Chị T cũng xác nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị T khẳng định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ riêng: Chị T trình bày hiện nay anh T còn nợ của chị T 10.000.000đồng. Khi anh T vay chị T số tiền trên không có giấy tờ, biên nhận gì. Nay chị đề nghị anh T phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, chị không nhất trí anh T trả dần cho chị số tiền trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T xử cho anh T được ly hôn chị T. Về nợ riêng: Buộc anh T có trách nhiệm thanh toán trả cho chị T số tiền 10.000.000đồng. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Đức T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn bị đơn chị Đinh Thị T được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết. Do vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh

chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tổ tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tổ tụng dân sự. Chi Đình Thị T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với chị Đình Thị T tại UBND xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ vào năm 2018. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị T có lời nói xúc phạm đến anh T và gia đình anh T. Vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm gì đến nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T và chị T mới đăng ký kết hôn vào năm 2018 nhưng đến năm 2019 hai vợ chồng đã ly thân, anh T về nhà sống chung cùng bố mẹ đẻ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đi xác minh về tình trạng hôn nhân đại diện khu dân cư ông Nguyễn Hữu C trưởng khu hành chính cho biết qua năm bắt năm 2019 vợ chồng chị Thành và anh Thuận có xảy ra ghen tuông, vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh Thuận chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại thị trấn Thanh Sơn. Hiện nay anh T không còn chung sống với chị T tại khu Đồng Lão nữa. Quá trình làm việc tại Tòa án thấy rằng chị T có đến Tòa án để trình bày quan điểm trong bản tự khai và tham gia hòa giải, tuy nhiên chị T có thái độ không hợp tác không ký vào các biên bản hòa giải, tại các buổi làm việc chị T có lời nói hành động chửi bới xúc phạm anh T tại trụ sở Tòa án. Tòa án tiến hành tổng đạt cho chị T tại nhà riêng, chị T thể hiện quan điểm nếu anh T trả đủ cho chị 10.000.000đồng thì chị sẽ đồng ý ly hôn nghĩa là chị T cũng đã có sự chuẩn bị về việc ly hôn của vợ chồng. Như vậy thấy rằng đời sống chung vợ chồng giữa anh T và chị T thực tế không tồn tại, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, anh T cương quyết xin ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, chị T còn đưa ra điều kiện anh T phải trả đủ số tiền 10.000.000đồng mới đồng ý ly hôn, không những vậy chị T còn yêu cầu anh T thanh toán đầy đủ số tiền trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, như vậy thấy rằng mong muốn đoàn tụ của chị T là không thật tâm chị T không đồng ý ly hôn mục đích là gây khó khăn cho anh T, mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định anh T và chị T đã không còn chung sống với nhau, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Do vậy cần xử cho anh Trần Đức T được ly hôn chị Đình Thị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T và chị T đều xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung; tư trang riêng và công sức đóng góp: Anh T và chị T đều khẳng định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ riêng: Anh T và chị T đều xác nhận hiện tại anh T còn nợ chị T số tiền là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), khi vay không viết giấy tờ gì. Quá trình hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa anh T thể hiện quan điểm do hoàn cảnh khó khăn nên anh xin trả dần số tiền trên. Tại phiên tòa chị T vắng mặt không có lý do, nhưng tại phiên hòa giải chị T yêu cầu anh Thuận phải trả ngay số tiền trên khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc anh T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho chị T khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự anh Thuận phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; Điều 56; Điều 45 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đức T được ly hôn chị Đinh Thị T.

2. Về nợ riêng: Buộc anh Trần Đức T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ chị Đinh Thị T là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Trần Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001972 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- Cơ quan THADS huyện.
- UBND xã Thục Luyện
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Cẩm Vân